

Số: 22/BC/KTĐBCLGD

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN, GIẢNG VIÊN VỀ MỨC ĐỘ
ĐÁP ỨNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM THỰC HÀNH TẠI TRƯỜNG

Kính gửi: Lãnh đạo Trường

Được sự đồng ý của Lãnh đạo Trường, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục đã khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên (SV), giảng viên (GV) về mức độ đáp ứng của phòng thí nghiệm (TN), thực hành (TH) trong Trường, kết quả như sau:

1. Mục đích

- Tiếp thu ý kiến đóng góp của sinh viên, giảng viên, hiểu rõ hơn tâm tư nguyện vọng của người học, người dạy nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học.
- Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Yêu cầu

- SV, GV hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, tự nguyện và trung thực trong việc cung cấp thông tin theo mẫu phiếu.
- Thông tin phản hồi của SV, GV được xử lý khách quan, trung thực và được sử dụng đúng mục đích.

3. Thời gian thực hiện

Từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2018

4. Đối tượng, phạm vi thực hiện

- SV các lớp đại học hệ chính quy học những môn có TH, TN của 6 Khoa trong Trường, gồm: Khoa Y Dược, Nông Lâm nghiệp, Kinh tế, Ngoại ngữ, Chăn nuôi TY và Khoa KHTN-CN.
- GV dạy các học phần, các lớp, các Khoa có thực hành tại phòng TN, TH.

5. Nội dung:

- Thu thập ý kiến phản hồi của SV các lớp, các Khoa trong Trường. Có 18 câu hỏi được đánh giá (Mẫu 1-KTĐBCLGD) với 5 nội dung chính là: **1-Chuẩn bị giảng dạy; 2-Phương pháp giảng dạy, 3-Nội dung giảng dạy; 4-Kiểm tra đánh giá; 5-Tác phong sư phạm.**
- Thu thập ý kiến phản hồi của GV dạy các ngành, các Khoa với 14 câu hỏi (Mẫu 2-KTĐBCLGD) được sử dụng để đánh giá.
- Sự hài lòng của SV và GV thể hiện ở 5 mức độ: **1-Rất không hài lòng, 2-Không hài lòng, 3-Phân vân, 4-Hài lòng, 5-Rất hài lòng.**

6. Phương pháp thực hiện

- Sinh viên: Số mẫu được chọn dự kiến là 25% số SV các lớp có thực hành của các ngành, các Khoa trong Trường.
- Giảng viên: Số giảng viên có dạy các học phần, các lớp, các Khoa có thực hành tại phòng TN, TH.
- Phát phiếu trực tiếp tới SV, GV, hướng dẫn làm và thu lại ngay tại lớp, tại Bộ môn, hoặc tại phòng thực hành, phòng thí nghiệm.
- Nhập, lưu trữ và xử lý dữ liệu bằng phần mềm Microsoft Excel 2010.
- Viết báo cáo kết quả sau khi nhập và xử lý dữ liệu.

7. Kết quả khảo sát

7.1. Kết quả khảo sát sinh viên

Đã khảo sát lấy ý kiến được 1702 lượt SV, 53 lớp, 63 học phần/GV của 6 khoa. Kết quả lấy ý kiến của SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH các khoa như sau:

7.1.1. Sinh viên Khoa Y Dược

Kết quả lấy ý kiến của SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH khoa Y Dược như sau:

Bảng 1: SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH khoa Y Dược

STT	Nội dung	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Phân vân (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)
1	Chuẩn bị giảng dạy (Sinh viên được giới thiệu đầy đủ về đề cương, mục tiêu môn học; Sinh viên được phổ biến đầy đủ về tài liệu THPTN; SV được hướng dẫn đầy đủ về nội dung và quy trình an toàn lao động trong THPTN; Giảng viên chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ và vật tư cho môn học).	0,3	1,9	4,6	42,5	50,7
2	Phương pháp giảng dạy (Giảng viên hướng dẫn sử dụng thiết bị thực hành dễ hiểu; Giảng viên hướng dẫn và thực hiện thao tác đúng chuẩn mực, chính xác; Giảng viên khuyến khích người học tích cực rèn luyện để có kỹ năng thực hành thành thạo; Giảng viên thường xuyên nhận xét, đánh giá giúp SV rút kinh nghiệm trong thực hành tại phòng thí nghiệm).	0,3	1,6	6,7	43,4	48,0
3	Nội dung giảng dạy (Nội dung giảng dạy bám sát mục tiêu bài THPTN; Nội dung giảng dạy phù hợp, khai thác hiệu quả thiết bị hiện có; Giảng viên chỉ ra được các ứng dụng thực tiễn của mỗi bài học TH).	0,5	2,0	6,5	43,3	47,7
4	Kiểm tra, đánh giá (GV tổ chức lớp học đúng giờ, thực hiện dạy đủ số bài TH theo quy định; GV luôn có mặt để hướng dẫn thực hành, đảm bảo an toàn cho SV; GV chấm điểm, cho điểm SV khách quan, công bằng).	0,4	1,5	4,4	43,3	50,5
5	Tác phong sư phạm (GV có thái độ thân thiện, tôn trọng và ứng xử đúng mực với người học; Nhiệt tình hướng dẫn SV thực hành; Số lượng máy móc, thiết bị, hóa chất, mẫu vật của phòng TN đã đủ yêu cầu TH của môn học).	1,1	2,7	6,1	42,1	48,0
	TRUNG BÌNH	0,5	1,9	5,7	42,9	49,0

7.1.2. Sinh viên Khoa Nông Lâm nghiệp

Kết quả lấy ý kiến của SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH khoa Nông Lâm nghiệp như sau:

Bảng 2: SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH khoa nông Lâm nghiệp

STT	Nội dung	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Phân vân (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)
1	Chuẩn bị giảng dạy (Sinh viên được giới thiệu đầy đủ về đề cương, mục tiêu môn học; Sinh viên được phổ biến đầy đủ về tài liệu THPTN; SV được hướng dẫn đầy đủ về nội dung và quy trình an toàn lao động trong THPTN; Giảng viên chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ và vật tư cho môn học).	2,5	1,6	4,4	52,8	38,6
2	Phương pháp giảng dạy (Giảng viên hướng dẫn sử dụng thiết bị thực hành dễ hiểu; Giảng viên hướng dẫn và thực hiện thao tác đúng chuẩn mực, chính xác; Giảng viên khuyến khích người học tích cực rèn luyện để có kỹ năng thực hành thành thạo; Giảng viên thường xuyên nhận xét, đánh giá giúp SV rút kinh nghiệm trong thực hành tại phòng thí nghiệm).	1,6	1,9	6,3	51,6	38,6
3	Nội dung giảng dạy (Nội dung giảng dạy bám sát mục tiêu bài THPTN; Nội dung giảng dạy phù hợp, khai thác hiệu quả thiết bị hiện có; Giảng viên chỉ ra được các ứng dụng thực tiễn của mỗi bài học TH).	2,1	3,0	6,3	46,8	41,8
4	Kiểm tra, đánh giá (GV tổ chức lớp học đúng giờ, thực hiện dạy đủ số bài TH theo quy định; GV luôn có mặt để hướng dẫn thực hành, đảm bảo an toàn cho SV; GV chấm điểm, cho điểm SV khách quan, công bằng).	1,3	4,2	3,4	46,0	45,1
5	Tác phong sư phạm (GV có thái độ thân thiện, tôn trọng và ứng xử đúng mực với người học; Nhiệt tình hướng dẫn SV thực hành; Số lượng máy móc, thiết bị, hóa chất, mẫu vật của phòng TN đã đủ yêu cầu TH của môn học).	3,0	2,5	5,9	44,3	44,3
	TRUNG BÌNH	2,1	2,6	5,3	48,3	41,7

7.1.3. Sinh viên Khoa Kinh tế

Kết quả lấy ý kiến của SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH khoa Kinh tế như sau:

Bảng 3: SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH khoa Kinh tế

STT	Nội dung	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Phân vân (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)
1	Chuẩn bị giảng dạy (Sinh viên được giới thiệu đầy đủ về đề cương, mục tiêu môn học; Sinh viên được phổ biến đầy đủ về tài liệu THPTN; SV được hướng dẫn đầy đủ về nội dung và quy trình an toàn lao động trong THPTN; Giảng viên chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ và vật tư cho môn học).	0,3	1,2	6,9	35,5	56,0
2	Phương pháp giảng dạy (Giảng viên hướng dẫn sử dụng thiết bị thực hành dễ hiểu; Giảng viên hướng dẫn và thực hiện thao tác đúng chuẩn mực, chính xác; Giảng viên khuyến khích người học tích cực rèn luyện để có kỹ năng thực hành thành thạo; Giảng viên thường xuyên nhận xét, đánh giá giúp SV rút kinh nghiệm trong thực hành tại phòng thí nghiệm).	0,6	0,3	4,8	46,4	47,9
3	Nội dung giảng dạy (Nội dung giảng dạy bám sát mục tiêu bài THPTN; Nội dung giảng dạy phù hợp, khai thác hiệu quả thiết bị hiện có; Giảng viên chỉ ra được các ứng dụng thực tiễn của mỗi bài học TH).	0,8	1,2	4,8	43,0	50,2
4	Kiểm tra, đánh giá (GV tổ chức lớp học đúng giờ, thực hiện dạy đủ số bài TH theo quy định; GV luôn có mặt để hướng dẫn thực hành, đảm bảo an toàn cho SV; GV chấm điểm, cho điểm SV khách quan, công bằng).	0,0	0,8	1,6	39,4	58,2
5	Tác phong sư phạm (GV có thái độ thân thiện, tôn trọng và ứng xử đúng mực với người học; Nhiệt tình hướng dẫn SV thực hành; Số lượng máy móc, thiết bị, hóa chất, mẫu vật của phòng TN đã đủ yêu cầu TH của môn học).	1,6	1,2	6,4	36,1	54,6
	TRUNG BÌNH	0,7	0,9	4,9	40,1	53,4

7.1.4. Sinh viên Khoa Ngoại ngữ

Kết quả lấy ý kiến của SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH khoa Ngoại ngữ như sau:

Bảng 4: SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH khoa Ngoại ngữ

STT	Nội dung	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Phân vân (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)
1	Chuẩn bị giảng dạy (Sinh viên được giới thiệu đầy đủ về đề cương, mục tiêu môn học; Sinh viên được phổ biến đầy đủ về tài liệu THPTN; SV được hướng dẫn đầy đủ về nội dung và quy trình an toàn lao động trong THPTN; Giảng viên chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ và vật tư cho môn học).	4,0	3,6	21,4	43,1	27,8
2	Phương pháp giảng dạy (Giảng viên hướng dẫn sử dụng thiết bị thực hành dễ hiểu; Giảng viên hướng dẫn và thực hiện thao tác đúng chuẩn mực, chính xác; Giảng viên khuyến khích người học tích cực rèn luyện để có kỹ năng thực hành thành thạo; Giảng viên thường xuyên nhận xét, đánh giá giúp SV rút kinh nghiệm trong thực hành tại phòng thí nghiệm).	5,6	4,0	16,5	48,0	25,8
3	Nội dung giảng dạy (Nội dung giảng dạy bám sát mục tiêu bài THPTN; Nội dung giảng dạy phù hợp, khai thác hiệu quả thiết bị hiện có; Giảng viên chỉ ra được các ứng dụng thực tiễn của mỗi bài học TH).	4,3	4,8	19,4	51,6	19,9
4	Kiểm tra, đánh giá (GV tổ chức lớp học đúng giờ, thực hiện dạy đủ số bài TH theo quy định; GV luôn có mặt để hướng dẫn thực hành, đảm bảo an toàn cho SV; GV chấm điểm, cho điểm SV khách quan, công bằng).	0,5	3,2	19,9	42,5	33,9
5	Tác phong sư phạm (GV có thái độ thân thiện, tôn trọng và ứng xử đúng mực với người học; Nhiệt tình hướng dẫn SV thực hành; Số lượng máy móc, thiết bị, hóa chất, mẫu vật của phòng TN đã đủ yêu cầu TH của môn học).	3,2	4,3	22,0	46,2	24,2
	TRUNG BÌNH	3,5	4,0	19,8	46,3	26,3

7.1.5. Sinh viên Khoa Chăn nuôi TY

Kết quả lấy ý kiến của SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH khoa Chăn nuôi Thú y như sau:

Bảng 5: SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH khoa CNTY:

STT	Nội dung	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Phân vân (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)
1	Chuẩn bị giảng dạy (Sinh viên được giới thiệu đầy đủ về đề cương, mục tiêu môn học; Sinh viên được phổ biến đầy đủ về tài liệu THPTN; SV được hướng dẫn đầy đủ về nội dung và quy trình an toàn lao động trong THPTN; Giảng viên chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ và vật tư cho môn học).	0,0	1,2	4,3	35,0	59,5
2	Phương pháp giảng dạy (Giảng viên hướng dẫn sử dụng thiết bị thực hành dễ hiểu; Giảng viên hướng dẫn và thực hiện thao tác đúng chuẩn mực, chính xác; Giảng viên khuyến khích người học tích cực rèn luyện để có kỹ năng thực hành thành thạo; Giảng viên thường xuyên nhận xét, đánh giá giúp SV rút kinh nghiệm trong thực hành tại phòng thí nghiệm).	0,2	1,0	5,9	27,6	65,3
3	Nội dung giảng dạy (Nội dung giảng dạy bám sát mục tiêu bài THPTN; Nội dung giảng dạy phù hợp, khai thác hiệu quả thiết bị hiện có; Giảng viên chỉ ra được các ứng dụng thực tiễn của mỗi bài học TH).	0,0	1,3	4,2	33,8	60,7
4	Kiểm tra, đánh giá (GV tổ chức lớp học đúng giờ, thực hiện dạy đủ số bài TH theo quy định; GV luôn có mặt để hướng dẫn thực hành, đảm bảo an toàn cho SV; GV chấm điểm, cho điểm SV khách quan, công bằng).	0,0	1,1	3,3	25,7	70,0
5	Tác phong sư phạm (GV có thái độ thân thiện, tôn trọng và ứng xử đúng mực với người học; Nhiệt tình hướng dẫn SV thực hành; Số lượng máy móc, thiết bị, hóa chất, mẫu vật của phòng TN đã đủ yêu cầu TH của môn học).	0,0	0,9	5,9	28,1	65,1
	TRUNG BÌNH	0,04	1,1	4,7	30,0	64,1

7.1.6. Sinh viên Khoa KHTN-CN

Kết quả lấy ý kiến của SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH khoa Khoa học Tự nhiên và Công nghệ như sau:

Bảng 6: SV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH khoa KHTN-CN:

STT	Nội dung	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Phân vân (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)
1	Chuẩn bị giảng dạy (Sinh viên được giới thiệu đầy đủ về đề cương, mục tiêu môn học; Sinh viên được phổ biến đầy đủ về tài liệu THPTN; SV được hướng dẫn đầy đủ về nội dung và quy trình an toàn lao động trong THPTN; Giảng viên chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ và vật tư cho môn học).	0,2	1,9	6,0	41,7	50,2
2	Phương pháp giảng dạy (Giảng viên hướng dẫn sử dụng thiết bị thực hành dễ hiểu; Giảng viên hướng dẫn và thực hiện thao tác đúng chuẩn mực, chính xác; Giảng viên khuyến khích người học tích cực rèn luyện để có kỹ năng thực hành thành thạo; Giảng viên thường xuyên nhận xét, đánh giá giúp SV rút kinh nghiệm trong thực hành tại phòng thí nghiệm).	0,0	1,2	5,4	34,8	58,7
3	Nội dung giảng dạy (Nội dung giảng dạy bám sát mục tiêu bài THPTN; Nội dung giảng dạy phù hợp, khai thác hiệu quả thiết bị hiện có; Giảng viên chỉ ra được các ứng dụng thực tiễn của mỗi bài học TH).	0,5	1,5	10,0	35,4	52,6
4	Kiểm tra, đánh giá (GV tổ chức lớp học đúng giờ, thực hiện dạy đủ số bài TH theo quy định; GV luôn có mặt để hướng dẫn thực hành, đảm bảo an toàn cho SV; GV chấm điểm, cho điểm SV khách quan, công bằng).	0,0	1,3	4,4	36,2	58,2
5	Tác phong sư phạm (GV có thái độ thân thiện, tôn trọng và ứng xử đúng mực với người học; Nhiệt tình hướng dẫn SV thực hành; Số lượng máy móc, thiết bị, hóa chất, mẫu vật của phòng TN đã đủ yêu cầu TH của môn học).	2,8	4,6	11,0	31,0	50,5
	TRUNG BÌNH	0,7	2,1	7,4	35,8	54,0

7.2. Kết quả khảo sát giảng viên

Đã khảo sát lấy ý kiến được 65 giảng viên của 6 khoa. Kết quả lấy ý kiến của GV đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH các khoa như sau:

Bảng 7: GV các Khoa đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng TN, TH:

STT	Nội dung	Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Phân vân (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)
1	Số lượng phòng TH TN đầy đủ để thực hiện thực hành môn học	3,1	15,4	30,8	38,5	12,3
2	Diện tích phòng TH TN đầy đủ, đáp ứng nhu cầu của môn học	4,6	12,3	32,3	35,4	15,4
3	Điều kiện vệ sinh phòng TH TN đảm bảo	3,1	15,4	23,1	47,7	10,8
4	Có tài liệu hướng dẫn về phòng thực hành (thí nghiệm) đầy đủ	1,5	4,6	10,8	55,4	27,7
5	Phòng thực hành đáp ứng tiêu chuẩn để thí nghiệm môn học	3,1	24,6	26,2	35,4	10,8
6	Có quy trình an toàn lao động trong phòng TH TN	1,5	12,3	20,0	49,2	16,9
7	Được trang bị đầy đủ thiết bị, máy móc, dụng cụ, hóa chất và vật tư, đáp ứng nhu cầu của môn học TH TN	4,6	24,6	24,6	38,5	7,7
8	Có thiết bị bảo hộ an toàn lao động khi thí nghiệm, thực hành	6,2	13,8	27,7	40,0	12,3
9	Có chế độ phụ cấp độc hại thỏa đáng cho GV dạy, hướng dẫn thực hành tại phòng TN	9,2	18,5	27,7	38,5	6,2
10	Nhân sự phòng TH, TN được đào tạo, có kiến thức kỹ thuật và kinh nghiệm	3,1	4,6	7,7	64,6	20,0
11	Năng lực của cán bộ vận hành máy móc, thiết bị phòng TH, TN đáp ứng nhu cầu môn học	0,0	3,1	16,9	60,0	20,0
12	Bảng cấp của cán bộ vận hành máy móc, thiết bị phòng TH, TN được đào tạo đúng chuyên môn	0,0	6,2	23,1	55,4	15,4
13	Phòng TH, TN có các quy trình xử lý an toàn chất thải độc hại.	9,2	23,1	27,7	36,9	3,1
	TRUNG BÌNH	3,8	13,7	23,0	45,8	13,7

8. Kết quả chung

Kết quả lấy ý kiến của sinh viên đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng thực hành, thí nghiệm các khoa trong Trường có tỷ lệ như sau:

Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Phân vân (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)
1,4	2,1	8,1	41,5	46,9

Kết quả lấy ý kiến của giảng viên đánh giá về mức độ đáp ứng của phòng thực hành, thí nghiệm các khoa trong Trường có tỷ lệ như sau:

Rất không hài lòng (%)	Không hài lòng (%)	Phân vân (%)	Hài lòng (%)	Rất hài lòng (%)
3,8	13,7	23,0	45,8	13,7

TRƯỞNG PHÒNG


Th.S. Huỳnh Văn Quốc

NGƯỜI BÁO CÁO


Lý Ngọc Tuyên

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (Để báo cáo);
- Các PHT (Để báo cáo);
- Các Khoa (Để biết);
- Lưu: KTĐBCLGD.

